Data Structure & Algorithm

Data Structure

Singly Linked List

1. Nội dung

1. Định nghĩa Singly Linked List.

2. Ưu nhược điểm của Linked List.

3. Thao tác cơ bản: Thêm, Xoá.

1. Yêu cầu

1. Biết sử dung struct / class trong C/C++ hoặc class trong Java.

2. Phân biệt được reference type và value/primitive type trong Java hoặc biết cách sử dụng con trỏ trong C/C++.

2. Định nghĩa

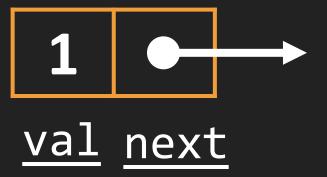


1 : Cấu trúc của 1 node.



x : null / NULL

2. Định nghĩa



C++

Java

```
public class SinglyListNode
{
   int val;
   SinglyListNode next;
   SinglyListNode(int x) { val = x; }
}
```

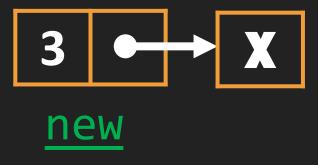
3. Đặc điểm của Singly Linked List

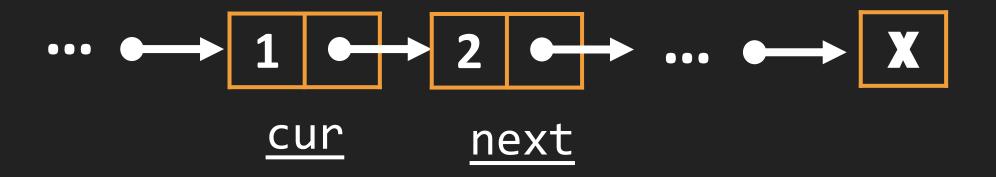


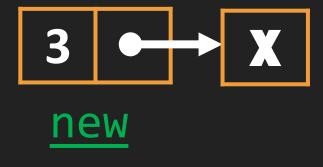
- 1. Chỉ cần lưu node đầu tiên (head) là có thể truy xuất cả mảng.
 - 2. Khả năng truy xuất 1 phần tử của mảng: O(n)
 - 3. Khả năng thêm và xoá 1 phần tử : O(1)*

 (*: Vị trí đó phải biết trước)

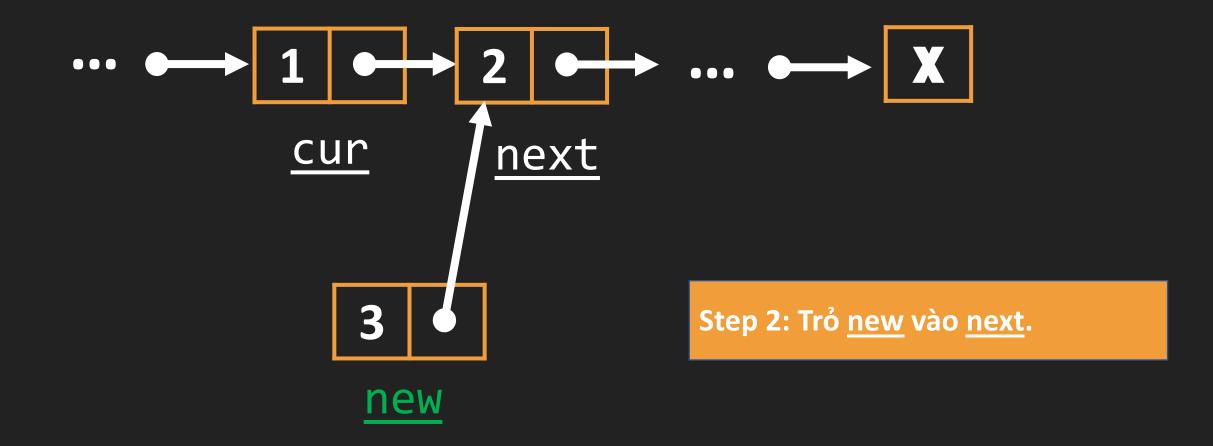


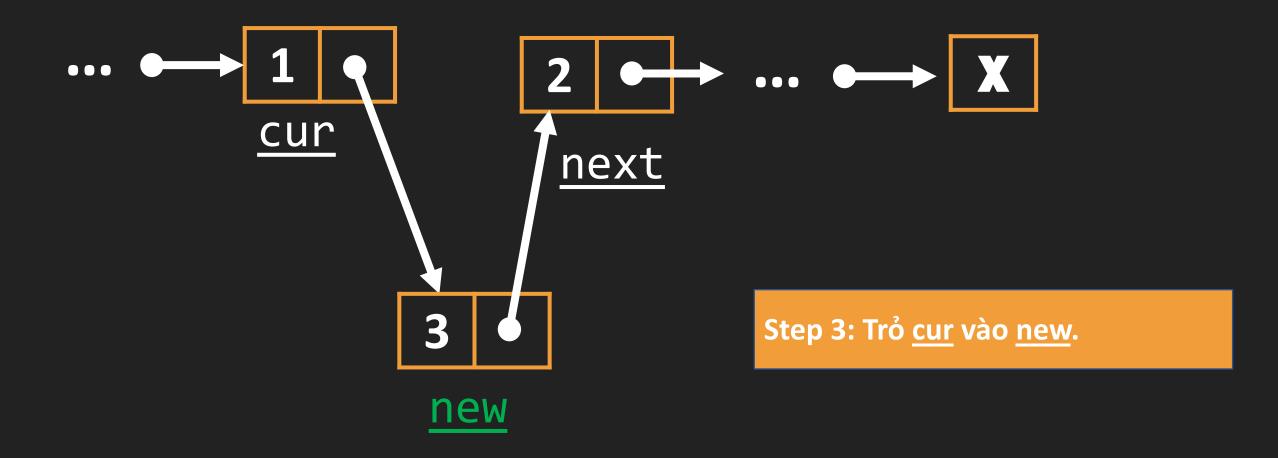




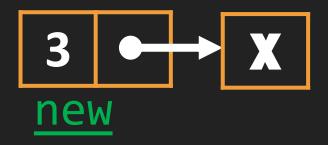


Step 1: Tim <u>cur</u> và <u>next</u>.

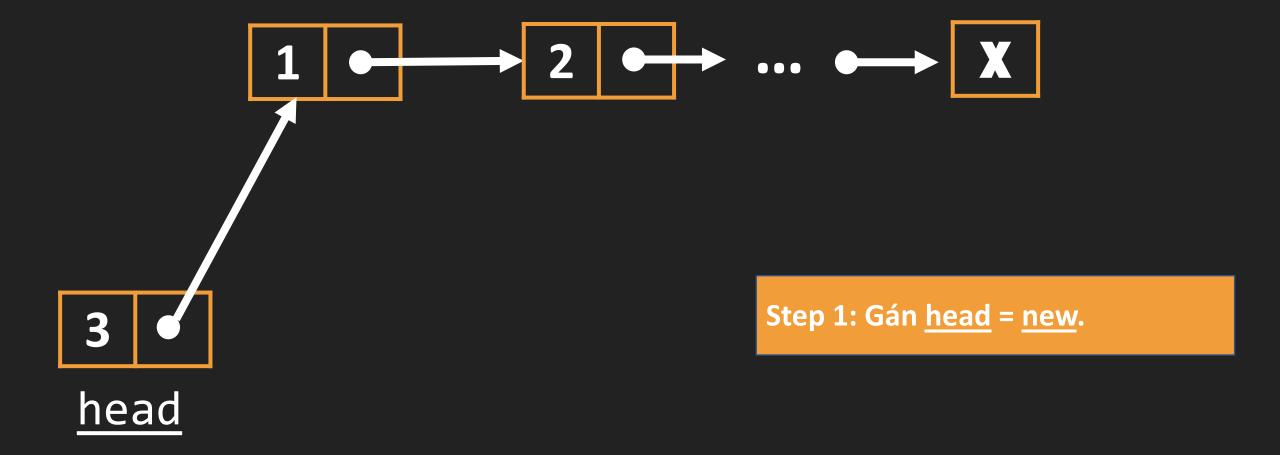




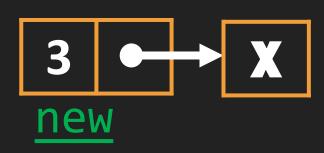


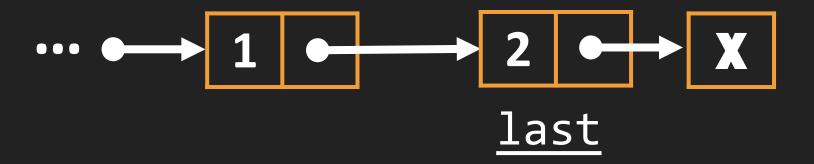




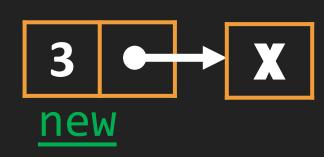


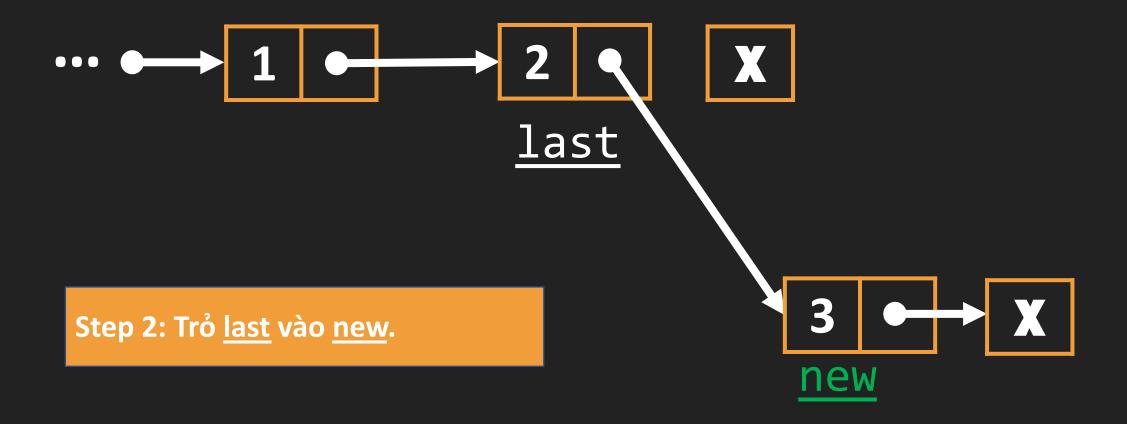


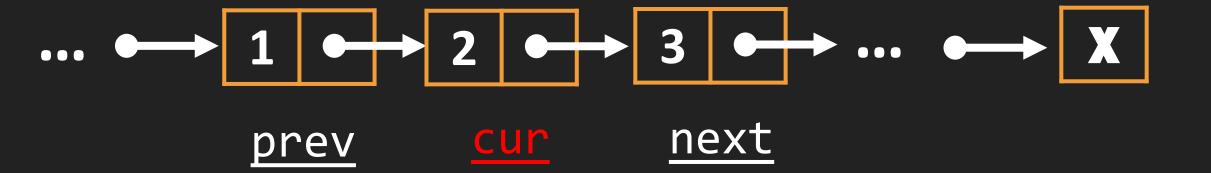


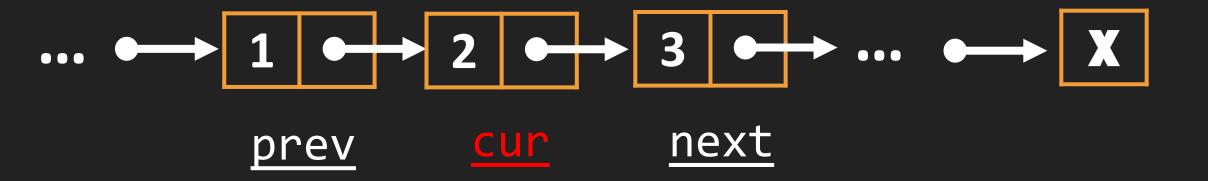


Step 1: Xác định <u>last</u>.

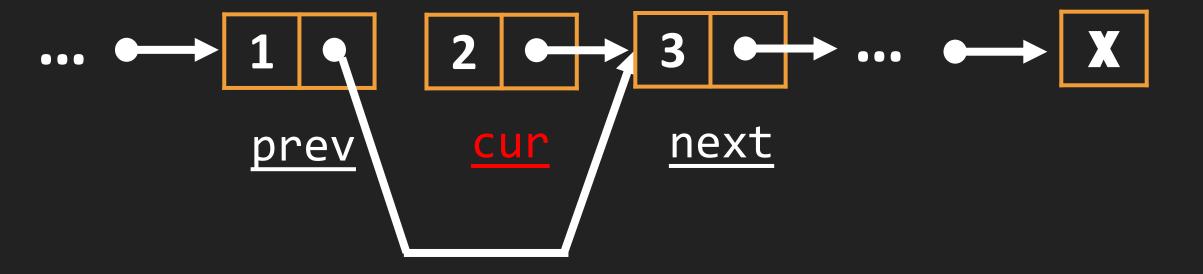








Step 1: Xác định prev, cur và next.



Step 2: Trỏ prev vào next.

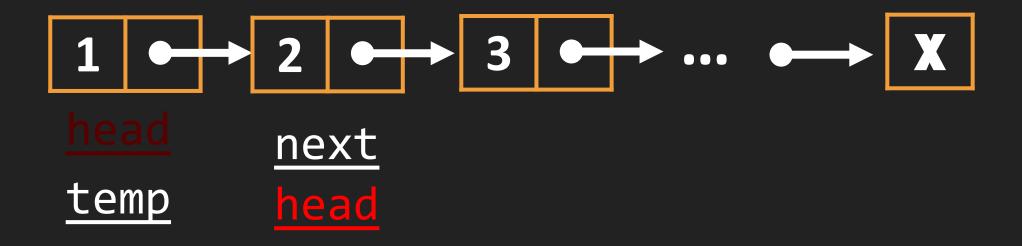


Step 3: Giả phóng vùng nhớ dành cho <u>cur</u>. (C/C++)





Step 1: Xác định next.



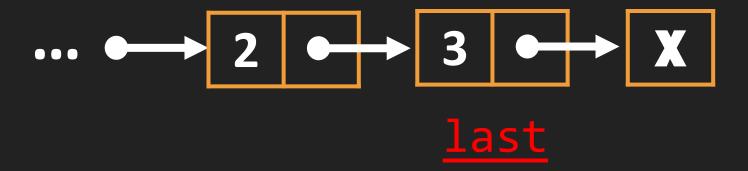
Step 2:

- -Trỏ temp vào head. (C/C++).
- Trỏ <u>head</u> vào <u>next</u>.

temp

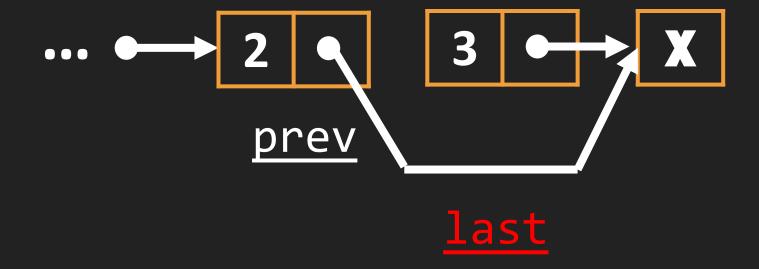


Step 3: Giải phóng vùng nhớ của temp. (C/C++)

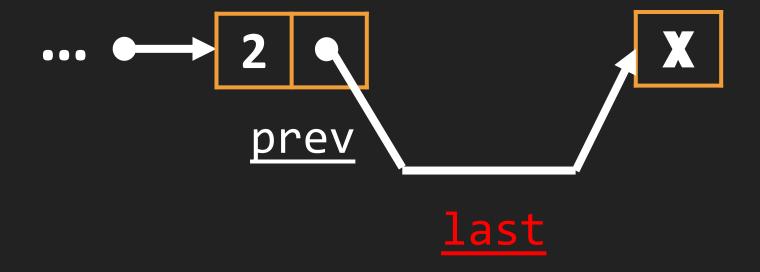




Step 1: Xác định prev và last



Step 2: Trỏ prev về NULL



Step 3: Giải phóng vùng nhớ cho <u>last</u>. (C/C++)

9. Implement Singly Linked List.



C Daily LeetCode Challenge

16

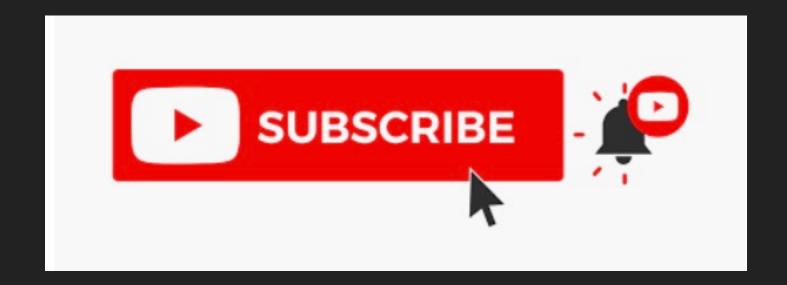
707. Design Linked List

Tags: #linkedlist

- The Brown Box -

hoangvancong.com

Data Structure & Algorithm



- The Brown Box -